TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST Ngày: 22-01-2018 V/v:ly hôn giữa bà TH và ông H	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Diệp Lai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Ông Lê Minh Quan

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Duy Đạt -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BR-VT tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22-01-2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2017/TLST-HNGĐ ngày 03-10-2017 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-12-2017, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03-01-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03-01-2018 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Bà Bà Huỳnh Thị TH -sn:1972 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn L, huyện Long Điền, tỉnh BRVT.

2.*Bị đơn*: Ông Bùi Văn H -sn:1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-09-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Bà Huỳnh Thị TH trình bày:

Về hôn nhân: Bà TH và ông H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 349 ngày 06-12-2007. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức hỏi cưới. Sau khi lấy nhau vợ chồng về chung sống tại khu phố H, thị trấn L, huyện Long Điền, tỉnh BRVT. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, ông H hay ăn nhậu về gây sự đánh đập bà TH. Từ khi xảy ra mâu thuẩn năm 2011 ông H đã về nhà cha mẹ ruột ở khu phố Phước Điền, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT sinh sống, vợ chồng có gặp nhau hòa giải nhưng không tự hòa giải được. Nhận thấy giữa bà TH và ông H không còn tình cảm, không còn quan tâm tới nhau nữa nên bà TH đề nghị được ly hôn với ông H.

Về nuôi con chung: Bà TH và ông H có 02 con chung là Bùi Thị Thanh H1 sinh ngày 12-07-1997 và Bùi Thị Thanh H2 sinh ngày 24-04-2000, cháu H1 đã trưởng thành còn cháu H2 hiện đang sống cùng bà TH, bà TH yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung, bà TH hiện đang làm công nhân, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 5.000.000đ nhưng không có chứng cứ để chứng minh cho thu nhập của mình.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà TH không yêu cầu Toà án giải quyết.

-Bị đơn ông Bùi Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS, tuy nhiên bị đơn không chấp hành theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy hôn nhân giữa bà TH và ông H là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp, có cơ sở xác định mâu thuẩn giữa bà TH

và ông H là trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà TH. Bà TH và ông H có 02 con chung, cháu H1 đã trưởng thành còn cháu H2 chưa đủ 18 tuổi, bà TH yêu cầu nuôi cháu H2 và cũng có điều kiện nên không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con, cháu H2 cũng có ý muốn sống chung với bà TH nên chấp nhận theo yêu cầu của bà TH. Bà TH không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT nhận định:

[1]*Về thẩm quyền*: Đây là quan hệ về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và bị đơn trú tại huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

[2]*Về tố tụng*: Ông H dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt ông H là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]*Về yêu cầu*:

[3.1]*Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa bà TH và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 349 ngày 06-12-2007 (BL 07) nên là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẩn giữa vợ chồng theo bà TH thì sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống đến đầu năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, ông H hay ăn nhậu về gây sự đánh đập bà TH. Từ đầu năm 2011 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau hòa giải nhưng không tự hòa giải được. Nhận thấy giữa bà TH và ông H không còn tình cảm, không còn quan tâm tới nhau nữa nên bà TH đề nghị được ly hôn với ông H. Ông H dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Qua thực tế xác minh tại địa phương nơi bà TH và ông H sinh sống thể hiện vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẩn, ông H nhiều lần ăn nhậu về gây gỗ, đánh đập bà TH,

địa phương có mời ông H ra khuyên giải nhưng về ông H lại xảy ra mâu thuẩn vợ chồng với bà TH, hiện ông H không còn chung sống với bà TH, vợ chồng có 02 con chung và qua thừa nhận của người thân trong gia đình thì bà TH và ông H hiện không còn sống chung và khi còn chung sống vợ chồng cãi nhau hoài, có lần ông H còn đánh bà TH (BL 23,25) nên xét thấy vợ chồng chung sống mà không quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống, không tôn trọng lẫn nhau mà còn đánh đập nhau, đã sống ly thân nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của bà TH là có cơ sở nên chấp nhận theo yêu cầu của bà TH là được ly hôn với ông H.

[3.2]*Về nuôi con chung*: Bà TH và ông H có 02 con chung là Bùi Thị Thanh H1 sinh ngày 12-07-1997 và Bùi Thị Thanh H2 sinh ngày 24-04-2000 (BL 08,09), cháu H1 đã trưởng thành còn cháu H2 hiện đang sống cùng bà TH, bà TH yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do ông H không đến phiên tòa để thể hiện rõ quan điểm của mình về vấn đề này và nguyện vọng của con chung là được sống cùng bà TH (BL 23) nên có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu của bà TH, nếu sau này ông H có tranh chấp sẽ được giải quyết thành 01 vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật, điều này phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]*Về tài sản chung và nợ chung*: Bà TH không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, nếu sau này các bên liên quan có tranh chấp sẽ được giải quyết thành 01 vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật, điều này phù hợp với quy định tại Điều 59, Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]*Về án phí*: Do là nguyên đơn nên bà TH phải chịu án phí ly hôn theo loại án phí không có giá ngạch được quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1, Mục1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]*Về quyền kháng cáo*: Bà TH và ông H được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 56, 57, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 85, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Bà Huỳnh Thị TH đối với ông Bùi Văn H.

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị TH được ly hôn với ông Bùi Văn H.

2. Về nuôi con chung: Bà TH và ông H có 02 con chung là Bùi Thị Thanh H1 sinh ngày 12-07-1997 và Bùi Thị Thanh H2 sinh ngày 24-04-2000, cháu H1 đã trưởng thành còn cháu H2 hiện đang sống cùng bà TH. Bà TH được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn bà TH, ông H đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà TH không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Bà TH phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà bà TH đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0006975 ngày 29-09-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà TH đã nộp đủ án phí ly hôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BRVT;
-VKSND tỉnh BRVT;
-VKSND huyện Đất Đỏ;
-Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
-UBND nơi ĐKKH;
-Người tham gia tố tụng;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Ngô Diệp Lai